

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 02 – 2023

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình – Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L - TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.
2. Ông Trương Văn Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu, kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang và điểm cầu thành phần tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai – trực tuyến vụ án thụ lý số: 243/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quốc Th, sinh năm: 2000 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.
2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm: 2000 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Quốc Th (gọi tắt là anh Th) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị Lê Thị T (gọi tắt là chị T) tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2022 và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung hạnh phúc sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Vì vậy, anh Th cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Th khai trong quá trình sống chung anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị T và không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc Th và Tòa án đã triệu tập họp lệ chị T để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn chị Lê Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn anh Nguyễn Quốc Th khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn chị Lê Thị T. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn”. Bị đơn chị Lê Thị T có địa chỉ cư trú tại ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn Lê Thị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản, thông báo tố tụng theo quy định pháp luật. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Th, hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Vào 2022 anh Th và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên hôn nhân của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình sống chung với anh Th cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả.

Tại phiên toà, anh Th cũng cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị T và không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng với chị T được nữa. Chị T cũng đã được Tòa án triệu tập hợp hợp lệ nhiều lần nhưng chị T đều vắng mặt nên Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của chị T đối với yêu cầu được ly hôn của anh Th. Điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Th và chị T thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng. Do đó, hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Th đối với chị T.

[3.2]. Về con chung: Anh Th xác định vợ chồng anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.3]. Về tài sản chung: Anh Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4]. Về nợ chung: Anh Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Quốc Th đối với bị đơn chị Lê Thị T. Cho anh Nguyễn Quốc Th được ly hôn với chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Không có, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Quốc Th phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006524 phiếu lập ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. L;
- THADS H. L;
- UBND xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Ngọc Thới Phần